



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh/Doanh nghiệp số**

4403000108
3800311306

ngày 1 tháng 1 năm 2008
ngày 2 tháng 6 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần thay đổi gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 ngày 2 tháng 6 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên
	(từ ngày 28 tháng 5 năm 2020)
Ông Đinh Văn Sơn	Thành viên
	(đến ngày 28 tháng 5 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Ông Hồ Thành Công	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Thành viên
	(từ ngày 28 tháng 5 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân	Thành viên
	(đến ngày 28 tháng 5 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
------------------	--

Trụ sở đăng ký

Khu 5, Phường Thác Mơ
Thị xã Phước Long
Tỉnh Bình Phước
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Tỉnh Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00326-20-2



Trần Thị Lê Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số N.3782-2017-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.027.226.075.099	1.140.620.860.868
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	228.381.830.320	30.574.748.245
Tiền	111		10.581.830.320	916.156.074
Các khoản tương đương tiền	112		217.800.000.000	29.658.592.171
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	10(a)	598.000.000.000	832.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		598.000.000.000	832.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.870.366.308	274.154.591.826
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	130.876.552.696	227.801.455.901
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.695.115.594	3.359.812.265
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		203.000.000	203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	57.315.117.904	51.009.743.546
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(8.219.419.886)	(8.219.419.886)
Hàng tồn kho	140	14	4.524.727.885	2.729.119.924
Hàng tồn kho	141		4.524.727.885	2.729.119.924
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.449.150.586	662.400.873
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.031.566.687	225.651.941
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		417.583.899	436.748.932

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		614.904.323.899	635.759.864.116
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	203.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	203.000.000
Tài sản cố định	220		404.687.295.578	423.498.511.321
Tài sản cố định hữu hình	221	15	388.857.357.093	407.344.423.130
Nguyên giá	222		2.531.787.035.993	2.530.217.996.237
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.142.929.678.900)	(2.122.873.573.107)
Tài sản cố định vô hình	227	16	15.829.938.485	16.154.088.191
Nguyên giá	228		20.819.451.225	20.819.451.225
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.989.512.740)	(4.665.363.034)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.393.252.245	5.505.329.908
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	7.393.252.245	5.505.329.908
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10(b)	193.310.374.861	195.915.583.599
Đầu tư vào công ty liên kết	252		42.450.374.861	45.055.583.599
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.513.401.215	10.637.439.288
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	5.298.699.237	6.100.823.456
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	1.139.604.336	1.204.852.690
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		3.075.097.642	3.331.763.142
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.642.130.398.998	1.776.380.724.984

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		160.733.368.987	275.250.464.776
Nợ ngắn hạn	310		95.157.789.987	148.924.885.776
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	7.857.373.400	20.216.572.933
Người mua trả tiền trước	312		940.000.000	924.400.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	37.025.867.561	69.089.895.435
Phải trả người lao động	314		6.603.136.293	19.025.938.408
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	2.803.409.638	3.125.588.418
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	11.873.979.803	10.168.287.320
Vay ngắn hạn	320	24(a)	20.000.000.000	20.709.987.800
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	8.054.023.292	5.664.215.462
Nợ dài hạn	330		65.575.579.000	126.325.579.000
Vay dài hạn	338	23(b)	59.250.000.000	120.000.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.605.579.000	2.605.579.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	26	3.720.000.000	3.720.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.481.397.030.011	1.501.130.260.208
Vốn chủ sở hữu	410	27	1.481.397.030.011	1.501.130.260.208
Vốn cổ phần	411	28	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	178.253.506.741	129.487.422.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		505.165.331.186	567.282.107.140
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		405.502.239.990	297.796.221.854
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		99.663.091.196	269.485.885.286
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.523.823.993	47.906.362.030
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.642.130.398.998	1.776.380.724.984

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	205.047.049.386	253.433.175.042
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	84.987.099.156	85.572.277.545
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		120.059.950.230	167.860.897.497
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	27.750.396.050	24.256.947.866
Chi phí tài chính	22		6.344.725.954	7.348.158.005
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.344.725.954	7.348.158.005
Phần lãi trong công ty liên kết	24	10(b)(i)	2.493.634.491	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	17.379.459.366	14.508.993.172
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		126.579.795.451	170.260.694.186
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		126.579.795.451	170.260.694.186
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	25.187.048.735	33.680.410.217
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	65.248.354	65.248.354
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		101.327.498.362	136.515.035.615
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		99.663.091.196	133.474.737.040
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.664.407.166	3.040.298.575
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.424	1.907

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đâu Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người chịu



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	126.579.795.451	170.260.694.186
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	20.380.255.499	22.194.197.956
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(30.244.030.541)	(24.256.947.866)
Chi phí lãi vay	06	6.344.725.954	7.348.158.005
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	123.060.746.363	175.546.102.281
Biến động các khoản phải thu	09	83.250.972.551	36.823.498.199
Biến động hàng tồn kho	10	(1.538.942.461)	(1.922.427.014)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(30.064.269.137)	(43.598.313.935)
Biến động chi phí trả trước	12	(5.003.790.527)	(519.699.830)
		169.704.716.789	166.329.159.701
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.656.008.818)	(7.286.152.161)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(51.705.964.428)	(89.979.771.510)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	40.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.695.685.000)	(4.790.824.386)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	105.647.058.543	64.312.411.644
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.456.962.093)	(4.989.592.575)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(598.000.000.000)	(556.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	832.703.000.000	563.845.638.889
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	33.692.814.050	20.435.472.919
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	264.938.851.957	23.291.519.233

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020	30/6/2019
Mã	Thuyết	VND	VND
số	minh		

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.459.987.800)	(11.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(104.259.632.000)	(104.792.593.500)
Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông thiểu số	36	(7.059.208.625)	(7.373.081.525)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(172.778.828.425)	(123.165.675.025)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	197.807.082.075	(35.561.744.148)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	30.574.748.245	75.153.275.891
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	228.381.830.320	39.591.531.743

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đâu Đình Trung
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
 Kế toán trưởng




Lê Minh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Ngày 18 tháng 6 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là TMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp.
- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2020: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết), được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu vốn tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020
Các công ty con					
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Kinh doanh thủy điện	99,92%	99,92%	100,00%	100,00%
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Kinh doanh thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
Các công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Kinh doanh phong điện	20%	20%	20%	20%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35%	35%	35%	35%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Nhóm Công ty có 162 nhân viên (1/1/2020: 161 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 16501/BTC-CĐKT ngày 18 tháng 11 năm 2016, hướng dẫn kế toán cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (“được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) *Công ty liên kết*

Các công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn), sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) *Các giao dịch bằng ngoại tệ*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty và các công ty con được trích lập theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh thủy điện của Nhóm Công ty phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản mục bất thường

Không có bất kỳ khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong kỳ.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Nhóm Công ty.

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	25.187.620	1.969.130
Tiền gửi ngân hàng	10.556.642.700	914.186.944
Các khoản tương đương tiền (*)	217.800.000.000	29.658.592.171
	228.381.830.320	30.574.748.245

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 4,25% đến 5% (1/1/2020: từ 5% đến 5,5%).

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	598.000.000.000	598.000.000.000	832.500.000.000	832.500.000.000
	598.000.000.000		832.500.000.000	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 5,1% đến 6,8% (1/1/2020: từ 6,5% đến 7,2%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2020		1/1/2020			
			Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết (t)								
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	3.260.000	20%	41.050.152.539	-	(*)	43.655.361.277	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thác Mơ	140.000	35%	1.400.222.322	-	(*)	1.400.222.322	-	(*)
			42.450.374.861	-		45.055.583.599	-	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác								
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	158.260.500.000	149.580.000.000	-	153.225.000.000
• Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)	1.280.000.000	-	(*)
			150.860.000.000	-		150.860.000.000	-	
			193.310.374.861	-		195.915.583.599	-	

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi tiết đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Lãi lũy kế VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	32.600.000.000	8.450.152.539	32.600.000.000	11.055.361.277
• Công ty Cổ phần Dầu tư Khai thác Hồ Thác Mơ	1.400.000.000	222.322	1.400.000.000	222.322
	<u>34.000.000.000</u>	<u>8.450.374.861</u>	<u>34.000.000.000</u>	<u>45.055.583.599</u>

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	45.055.583.599	41.169.227.032
Phần lãi trong công ty liên kết	2.493.634.491	-
Cổ tức nhận được trong kỳ	(4.890.000.000)	-
Điều chỉnh khác	(208.843.229)	-
Số dư cuối kỳ	<u>42.450.374.861</u>	<u>41.169.227.032</u>

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	106.161.101.960	199.112.930.482
Các khách hàng khác	24.715.450.736	28.688.525.419
	<hr/>	<hr/>
	130.876.552.696	227.801.455.901

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	106.161.101.960	199.112.930.482
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	10.098.878.797	10.098.878.797
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	7.837.274.030	6.343.070.124
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - công ty mẹ cấp cao nhất	1.318.841.717	3.104.132.965
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	4.179.028.555	5.178.996.759

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
Phải thu Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 từ việc trả hộ cho dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng	27.267.692.037	27.267.692.037
Tập đoàn điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	2.412.387.247	868.581.995
Bên thứ ba khác		
Phải thu lãi tiền gửi	9.521.994.000	10.574.412.000
Các khoản phải thu khác	18.113.044.620	12.299.057.514
	<hr/>	<hr/>
	57.315.117.904	51.009.743.546

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/6/2020			1/1/2020				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
▪ Phải thu khác từ khách	Trên 3 năm	8.070.760.171	(8.070.760.171)	-	Trên 3 năm	8.070.760.171	(8.070.760.171)	-
▪ Vãng lai trước cổ phần hóa	Trên 3 năm	148.659.715	(148.659.715)	-	Trên 3 năm	148.659.715	(148.659.715)	-
▪ Các khách hàng khác								
		8.219.419.886	(8.219.419.886)	-		8.219.419.886	(8.219.419.886)	-

14. Hàng tồn kho

Nguyên vật liệu
 Công cụ và dụng cụ
 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	30/6/2020	1/1/2020
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	1.399.564.052	758.694.417
	7.720.886	8.889.180
	3.117.442.947	1.961.536.327
	4.524.727.885	2.729.119.924

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Nhóm Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	20.591.971.225	227.480.000	20.819.451.225
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.557.619.634	107.743.400	4.665.363.034
Khấu hao trong kỳ	297.769.704	26.380.002	324.149.706
Số dư cuối kỳ	4.855.389.338	134.123.402	4.989.512.740
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	16.034.351.591	119.736.600	16.154.088.191
Số dư cuối kỳ	15.736.581.887	93.356.598	15.829.938.485

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 69 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 69 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	5.505.329.908	1.724.265.841
Tăng trong kỳ	1.887.922.337	3.004.975.397
Số dư cuối kỳ	7.393.252.245	4.729.241.238

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Xây dựng Văn phòng làm việc tại Thị xã Đồng Xoài	1.297.148.276	1.297.148.276
Dự án Điện Mặt Trời Thác Mơ 50MWp	3.814.537.830	3.021.357.537
Đại tu nâng cấp đường dây truyền tải 22KV	2.281.566.139	1.186.824.095
	7.393.252.245	5.505.329.908

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa và bảo trì VND	Chi phí khai thác mặt nước VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	5.127.648.264	242.424.246	730.750.946	6.100.823.456
Tăng trong kỳ	126.249.800	-	684.774.724	811.024.524
Phân bổ trong kỳ	(1.187.763.152)	(113.636.365)	(311.749.226)	(1.613.148.743)
Số dư cuối kỳ	4.066.134.912	128.787.881	1.103.776.444	5.298.699.237

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/06/2020 VND	1/1/2020 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	1.139.604.336	1.204.852.690

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Bên liên quan		
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT)	-	321.139.680
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	755.009.691	2.164.235.764
Bên thứ ba khác		
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Ban Mai	2.925.260.800	2.164.800.000
Tổng Công ty 789 - Bộ Quốc phòng – Chi nhánh Miền Trung	1.102.139.189	1.102.139.189
Công Ty TNHH Điện Cơ Côn Minh	977.579.771	977.579.771
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	270.000	5.417.870.403
Các nhà cung cấp khác	2.097.113.949	8.068.808.126
	7.857.373.400	20.216.572.933

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/ cán trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	5.059.036.588	20.496.315.224	(21.634.199.461)	3.921.152.351
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.706.002.263	25.187.048.735	(51.705.964.428)	19.187.086.570
Thuế thu nhập cá nhân	295.091.932	4.987.872.949	(5.033.562.729)	249.402.152
Thuế tài nguyên	4.245.173.352	24.827.580.610	(24.156.610.566)	4.916.143.396
Các loại thuế khác	29.172.892	26.808.194	(55.981.086)	-
Các khoản phải nộp khác				
Phí dịch vụ môi trường rừng	6.943.418.408	9.571.948.740	(11.302.987.556)	5.212.379.592
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.812.000.000	4.190.000.000	(7.462.296.500)	3.539.703.500
	69.089.895.435	89.287.574.452	(121.351.602.326)	37.025.867.561

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	2.803.409.638	3.114.692.502
Chi phí khác	-	10.895.916
	2.803.409.638	3.125.588.418

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	10.488.357.259	9.040.805.384
Các khoản phải trả khác	1.385.622.544	1.127.481.936
	11.873.979.803	10.168.287.320

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 1/1/2020 VND	Biến động trong kỳ		Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 30/6/2020 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn đến hạn trả	20.709.987.800	1.500.000.000	(2.209.987.800)	20.000.000.000

(b) Vay dài hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	79.250.000.000	140.709.987.800
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(20.000.000.000)	(20.709.987.800)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	59.250.000.000	120.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Khoản vay từ:					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước					
- Khoản vay 1	VND	9,50%	2024	16.500.000.000	18.000.000.000
- Khoản vay 2	VND	9,50%	2026	62.750.000.000	122.000.000.000
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai	VND	9,38%	2021	-	709.987.800
				79.250.000.000	140.709.987.800

Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 295.782 triệu VND (1/1/2020: 301.419 triệu VND) (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	5.664.215.462	3.148.966.181
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 27)	8.085.492.830	9.266.488.750
Tăng khác	-	40.000.000
Sử dụng trong kỳ	(5.695.685.000)	(4.477.247.214)
Số dư cuối kỳ	8.054.023.292	7.978.207.717

26. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty. Không có biến động của quỹ phát triển khoa học công nghệ trong các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	700.000.000.000	56.454.368.091	39.836.280.218	500.094.105.077	48.976.801.170	1.345.361.554.556
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	133.474.737.040	3.040.298.575	136.515.035.615
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 30)	-	-	89.283.542.729	(89.283.542.729)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	(9.030.738.229)	(235.750.521)	(9.266.488.750)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(105.000.000.000)	(7.781.392.500)	(112.781.392.500)
Điều chỉnh khác	-	-	-	1.223.400.000	776.600.000	2.000.000.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	700.000.000.000	56.454.368.091	129.119.822.947	431.477.961.159	44.776.556.724	1.361.828.708.921
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	241.583.615.441	3.180.137.789	244.763.753.230
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(572.467.196)	(363.395.474)	(935.862.670)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(105.000.000.000)	-	(105.000.000.000)
Điều chỉnh khác	-	-	367.600.000	(207.002.264)	313.062.991	473.660.727
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	700.000.000.000	56.454.368.091	129.487.422.947	567.282.107.140	47.906.362.030	1.501.130.260.208
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	99.663.091.196	1.664.407.166	101.327.498.362
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 30)	-	-	49.353.801.048	(49.353.801.048)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25)	-	-	-	(7.804.940.127)	(280.552.703)	(8.085.492.830)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(105.000.000.000)	(7.766.392.500)	(112.766.392.500)
Điều chỉnh khác	-	-	(587.717.254)	378.874.025	-	(208.843.229)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	700.000.000.000	56.454.368.091	178.253.506.741	505.165.331.186	41.523.823.993	1.481.397.030.011

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH			
Một Thành viên	36.341.500	363.415.000.000	51,92%
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	29.843.740	298.437.400.000	42,63%
Các cổ đông khác	3.814.760	38.147.600.000	5,45%
	70.000.000	700.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 5 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 210 tỷ VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 105 tỷ VND cho các cổ đông trong năm 2019 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: phân phối khoản cổ tức 210 tỷ VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 105 tỷ VND cho các cổ đông trong năm 2018).

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	129.487.422.947	39.836.280.218
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 27)	49.353.801.048	89.283.542.729
Điều chỉnh khác	(587.717.254)	-
Số dư cuối kỳ	178.253.506.741	129.119.822.947

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	1.154.492.633	-
Trong vòng hai đến năm năm	4.617.970.532	-
Trên năm năm	21.165.698.272	-
	26.938.161.437	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	644.473.567.944	1.579.630.377

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	201.780.175.068	249.017.247.851
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	3.266.874.318	4.415.927.191
	205.047.049.386	253.433.175.042

33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng giá vốn		
▪ Sản xuất điện	82.556.657.742	82.212.155.602
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	19.445.153.411	21.291.942.273
<i>Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và</i>		
<i>phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	38.548.510.000	37.488.106.539
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	3.286.256.002	2.929.197.307
<i>Chi phí nhân công</i>	9.933.657.001	11.694.728.989
<i>Chi phí nguyên vật liệu</i>	5.585.398.525	2.162.757.967
<i>Chi phí khác</i>	5.757.682.803	6.645.422.527
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	2.430.441.414	3.360.121.943
	84.987.099.156	85.572.277.545

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	27.750.396.050	24.256.947.866

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.125.250.330	6.496.047.586
Chi phí khấu hao và phân bổ	935.102.088	902.255.683
Thuế, phí và lệ phí	22.808.194	53.232.194
Chi phí khác	10.296.298.754	7.057.457.709
	17.379.459.366	14.508.993.172

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.070.451.335	3.029.020.727
Chi phí nhân công và nhân viên	15.912.444.521	18.190.776.575
Chi phí khấu hao và phân bổ	20.380.255.499	22.194.197.956
Chi phí sửa chữa lớn	3.286.256.002	2.929.197.307
Chi phí khác	56.717.151.165	53.738.078.152

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	25.187.048.735	33.616.498.297
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	63.911.920
	25.187.048.735	33.680.410.217
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	65.248.354	65.248.354
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25.252.297.089	33.745.658.571

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	126.579.795.451	170.260.694.186
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25.315.959.090	34.052.138.837
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(28.651.196)	(990.471.446)
Ảnh hưởng của phần lãi trong công ty liên kết	(498.726.898)	-
Ưu đãi thuế	-	(504.312.298)
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.702.553	41.673.627
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	63.911.920
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	449.013.540	1.082.717.931
	25.252.297.089	33.745.658.571

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất hiện hành của Công ty và các công ty con đối với lợi nhuận trước thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con được hưởng các mức ưu đãi thuế như sau:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2011 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm, từ năm 2011 đến 2019.
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2015 đến năm 2029, miễn thuế từ năm 2015 đến 2018 và giảm 50% trong 9 năm từ năm 2019 đến năm 2027.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong kỳ	99.663.091.196	133.474.737.040
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	99.663.091.196	133.474.737.040

(*) Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019. Nếu Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 Cổ phiếu	30/6/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	70.000.000	70.000.000

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Tập đoàn Điện Lực Việt Nam Cung cấp dịch vụ	2.381.403.487	2.354.251.650
Công ty mẹ Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành viên Chia cổ tức	54.512.250.000	54.512.250.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	52.505.631
Các bên liên quan khác Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh Chia cổ tức	44.765.610.000	44.765.610.000
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bán điện	168.831.734.140	210.603.762.454
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Bán điện	21.790.890.279	26.063.019.801
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	111.248.409
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam Bán điện	11.157.550.649	12.350.465.596
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	847.547.316
Nhân sự chủ chốt của Nhóm Công ty Tổng Giám đốc Tiền lương và thưởng	468.984.000	573.000.000
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc Tiền lương và thưởng	580.800.000	642.678.690
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Thù lao	1.083.090.000	1.173.362.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Nhóm Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đặng Đình Trung
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Lê Minh Tuấn
Tổng Giám đốc



